

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 05 tháng 02 năm 2025.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết:

- Bà Phạm Phương T; sinh năm: 1982;

Căn cước công dân số 001182055582; cấp ngày 10/5/2021;

Địa chỉ thường trú: B10 lô B chung cư Bộ C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Dương Văn N, sinh năm: 1969;

Căn cước công dân số 001069016623; cấp ngày 09/01/2022;

Địa chỉ thường trú: 2 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2011, Quyển số 01/P.TT do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Văn N và bà Phạm Phương T là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà T, ông N là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu bà T, ông N chung sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Vì muốn ổn định cuộc sống nên bà T, ông N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Dương Gia L, sinh ngày 11/11/2021, Dương Tuấn K, sinh ngày 15/8/2020 và Dương Bảo A, sinh ngày 03/3/2022, ông N và bà T thỏa thuận bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung. Ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn N và bà Phạm Phương T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Phương T và ông Dương Văn N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2011, Quyển số 01/P.TT do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/2011 chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao bà Phạm Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung tên Dương Gia L, sinh ngày 11/11/2021, Dương Tuấn K, sinh ngày 15/8/2020 và Dương Bảo A, sinh ngày 03/3/2022.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ nêu trên; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Phạm Phương T và ông Dương Văn N chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà T, ông N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0079184 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 22/01/2025 (Biên lai thu trên dịch vụ công số 2776307 ngày 22/01/2025). Bà T, ông N đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- VKSND TP. HCM;
- UBND phường Tân Thành, quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Thu Phương